

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 26/02/2021

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Dương Điềm

2. Bà H Bliăk Niê.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, vì tại thời điểm đó toàn bộ giấy tờ của anh T ở ngoài quê nên không đăng ký kết hôn được, sau này do nhận thức pháp luật hạn chế nên anh chị nghĩ chỉ cần sống với nhau hạnh phúc là được.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn chăm sóc con cái, hay chơi cờ bạc, khi chị H khuyên nhủ thì anh T

không nghe còn chửi bới xúc phạm và đánh đập chị làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Hiện chị H và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Chị H xét thấy không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục duy trì đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/11/1995 và Nguyễn Ngọc Băng T2, sinh ngày 09/12/2008. Đối với cháu T1 đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T2 hiện đang sống cùng chị. Chị hiện đang làm thợ may và buôn bán rèm màn, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh, chị không có mâu thuẫn gì lớn ngoài việc anh T có phạm một số lỗi trong gia đình. Nay anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị H, anh mong muốn đoàn tụ nên không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung đúng như chị H trình bày, các cháu nay đã lớn nên việc các cháu ở với ai là tùy các cháu quyết định. Anh T làm nghề tự do, anh không đồng ý việc ly hôn nên từ chối khai báo về thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn; xét thấy anh, chị có thời gian dài yêu thương chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình và có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đi đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng quan hệ giữa chị H và anh T qua lời trình bày của các đương sự cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy anh, chị sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, hay chơi cờ bạc, chửi bới

đánh đập chị H, hiện nay hai bên đã sống ly thân. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Do chị H và anh T không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/11/1995 (*Đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết*) và Nguyễn Ngọc Băng T2, sinh ngày 09/12/2008. Hiện cháu T2 đang ở với chị H và chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T2. Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Xét thấy, chị H hiện đang làm nghề thợ may, có thu nhập ổn định và cháu T2 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Tòa án đã giải thích về quyền này nhưng đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chưa đặt ra giải quyết trong cùng vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Quan hệ về con cái: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Băng T2, sinh ngày 09/12/2008.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền

số: AA/2019/0011096 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đoàn